TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15- 4-2022.
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc;

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

-***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Đục - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà:*** Không tham gia.

Vào ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 217/2021/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị Mỹ T, sinh năm 1983.

2. *Bị đơn*: Anh Lê Văn T, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Khóm Z, TT. T, huyện T, Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/10/2021; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 14/3/2022 và tại phiên tòa chị Võ Thị Mỹ T trình bày: Chị và anh Lê Văn T tự tìm hiểu và kết hôn năm 2010, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 108 ngày 15/11/2013), thời gian đầu sống rất hạnh phúc, có hai con chung tên Lê Văn B, sinh ngày 15/8/2004 và Lê Thị Bảo N, sinh ngày 15/5/2016. Từ năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T bỏ bê không chăm lo cuộc sống kinh tế gia

đình, tham gia tệ nạn xã hội, gây thất thoát tiền bạc, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống hôn nhân không đạt được. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị và anh T không hàn gắn lại với nhau. Nay chị yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Văn T.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống chị Võ Thị Mỹ T và anh Lê Văn T có 02 con chung tên Lê Văn B, sinh ngày 15/8/2004 và Lê Thị Bảo N, sinh ngày 15/4/2016. Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu B cho anh T, tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Võ Thị Mỹ T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp về việc "Ly hôn tranh chấp về nuôi con", đối với anh Lê Văn T. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186,188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T vẫn còn đang cư trú và sinh sống tại địa chỉ: khóm Z, TT. T, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Võ Thị Mỹ T với anh Lê Văn T là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cự cải nhau, dẫn đến anh, chị ly thân với nhau từ tháng 9/2021 cho đến nay. Từ khi ly thân cho đến nay, cả hai không gặp nhau để thương lượng tìm ra phương cách hàn gắn, chung sống lại với nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải, động viên cho anh, chị hàn gắn, chung sống lại với nhau, nhưng anh T không có mặt theo thông báo của Tòa án, chứng tỏ rằng anh không muốn vợ chồng hàn gắn, chung sống lại với nhau anh cũng không quan tâm gì đến hôn nhân giữa anh với chị T. Xét thấy, đời sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị T và anh T có sinh được 02 con chung tên Lê Văn B, sinh ngày 15/8/2004 và Lê Thị Bảo N sinh ngày 15/4/2016. Trong quá trình thu thập chứng cứ, chị T trình trình bày: Cháu B đang sinh sống với anh T, chị đang nuôi dưỡng cháu N. Tại phiên tòa, chị T thống nhất tiếp tục giao cháu B cho anh T nuôi dưỡng, chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị T và anh T ly thân cho đến nay, cháu B do anh T nuôi dưỡng, cháu N do chị T nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, anh T và chị T vẫn đảm bảo cho cháu B và cháu N có cuộc sống ổn định, phát triển tốt và tại Đơn yêu cầu ngày 14/3/2022, cháu B cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với anh T, nghĩ nên tiếp tục giao cháu B cho anh T nuôi dưỡng và giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng, là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh T và chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh T và chị T được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, chị T trình bày: Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung của chị T và anh T trong vụ án này, là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ 2, xét thấy anh T đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Mỹ T đối với anh Lê Văn T theo giấy chứng nhận kết hôn số:108 ngày 15/11/2013, của Ủy ban nhân dân TT. T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Cho chị Võ Thị Mỹ T với anh Lê Văn T được ly hôn với nhau.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao con chung của chị Võ Thị Mỹ T với anh Lê Văn T tên Lê Văn B, sinh ngày 15/8/2004, cho anh Lê Văn T nuôi dưỡng.

Chị Võ Thị Mỹ T không cấp dưỡng nuôi con, do anh T không yêu cầu.

Tiếp tục giao con chung của chị Võ Thị Mỹ T với anh Lê Văn T tên Lê Thị Bảo N sinh ngày 15/4/2016, cho chị Võ Thị Mỹ T nuôi dưỡng.

Anh Lê Văn T không cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Chị Võ Thị Mỹ T và anh Lê Văn T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về án phí: Chị Võ Thị Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Võ Thị Mỹ T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003333 ngày 03/12/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- UBND TT. T;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TOØA AÙN NHAÂN DAÂN
NGHÓA VIEÄT NAM
HUYEÄN THANH BÌNH
Phuùc

COÄNG HOAØ XAÕ HOÄI CHUÛ
Ñoäc Laäp - Töï Do – Haïnh

TT.Thanh Bình, ngaøy 29 thaùng 01 naêm 2013

BIEÂN BAÛN NGHÒ AÙN

Veà vuï aùn **:** ***"Tranh chaáp hợp đồng cầm cố ñaát*** "
- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Lịch**, sinh năm 1965
Trú quán: ấp Trung, xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp
- Bị đơn: **Nguyễn Văn Thới**, sinh năm 1935
Trú quán: ấp Trung, xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Nguyễn Long Khoảng, sinh năm 1963.
Nguyễn Thị Gọi, sinh năm 1946
Ông Khoảng ủy quyền cho: **Nguyễn Thị Lịch**, sinh năm 1965
Trú quán: ấp Trung, xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp.
Ông Thới và bà Gọi ủy quyền cho: **Nguyễn Thị Thùy Linh**, sinh năm 1970
Trú quán: ấp An Hòa, xã An Bình A, TX Hồng Ngự, Đồng Tháp.
Vôùi Hoäi ñoàng xeùt xöû sô thaåm goàm coù *:*
Thaåm phaùn - Chuû toïa phieân toøa*:***Leâ Hoaøng Vuõ***
Caùc Hoäi Thaåm nhaân daân :
1/ Ông **Nguyễn Hoàng Minh**
2/ Ông **Phạm Văn Liệt**

Caên cöù vaøo caùc chöùng cöù vaø taøi lieäu coù ñöôïc thaåm tra taïi phieân Toaø vaø keát quaû tranh luaän taïi phieân Toøa.

Hoäi ñoàng xeùt xöû nghò aùn vaø bieåu quyeát 3/3 thoáng nhaát quyeát ñònh nhö sau:

AÙp duïng caùc Ñieàu 122; 127; 128; 137-Boä luaät daân söï; Điều 25; Điều 131 Boä luaät toá tuïng daân söï; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án tuyeân xöû :

1/ Hủy hợp đồng cầm cố đất giữa bà Nguyễn Thị Lịch, ông Nguyễn Long Khoảng với ông Nguyễn Văn Thới và bà Nguyễn Thị Gọi.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Lịch đối với ông Nguyễn Văn Thới và bà Nguyễn Thị Gọi.

3/ Buộc ông Nguyễn Văn Thới và bà Nguyễn Thị Gọi có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Nguyễn Thị Lịch và ông Nguyễn Long Khoảng số tiền cố đất còn thiếu là 52.200.000đ và 4 chỉ vàng 24K.

Keå töø ngaøy coù ñôn yeâu caàu thi haønh aùn cuûa bà Lịch và ông Khoảng, thì haøng thaùng oâng Thới và bà Gọi coøn phaûi chòu laõi cuûa soá tieàn chöa thi haønh, theo möùc laõi suaát cô baûn do ngaân haøng nhaø nöôùc coâng boá, töông öùng vôùi thôøi gian chöa thi haønh aùn, taïi thôøi ñieåm thi haønh aùn và phải chịu lãi của số vàng chưa thi hành theo mức lãi suất bình quân 3 ngân hàng tại địa phương quy định (nếu có), tương ứng với thời gian chưa thi hành án, taïi thôøi ñieåm thi haønh aùn.

4/ Về án phí:

Bà Lịch phải và ông Nguyễn Long Khoảng nộp 1.890.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm (đã được xét giãm 50% tiền án phí theo quy định), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lịch đã nộp là 3.762.0000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 002560 ngày 30/ 10/ 2012, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, bà Lịch còn được nhận lại 1.872.000đ.

Ông Nguyễn Văn Thới và bà Nguyễn Thị Gọi liên đới nộp 3.370.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bieát, coù quyeàn khaùng caùo trong thôøi haïn 15 ngaøy, keå töø ngaøy tuyeân aùn hoâm nay.

Tröôøng hôïp baûn aùn, quyeát ñònh ñöôïc thi haønh theo quy ñònh taïi Ñieàu 2 Luaät thi haønh aùn daân söï thì ngöôøi ñöôïc thi haønh aùn daân söï, töï nguyeän thi haønh aùn hoaëc bò cöôõng cheá thi haønh aùn theo quy ñònh taïi caùc Ñieàu 6,7 vaø 9 Luaät thi haønh aùn daân söï; thôøi hieäu thi haønh aùn ñöôïc thöïc hieän theo quy ñònh taïi Ñieàu 30 Luaät thi haønh aùn daân söï.

Caùc Hoäi Thaåm **Chuû toïa phieân tòa**